TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 484/2023/HS-PT
Ngày: 28/9/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Trần Đức Kiên**

Các Thẩm phán: ông **Trần Quốc Cường**

ông **Đinh Phước Hoà**

- ***Thư ký phiên tòa***: bà **Nguyễn Phương Mai**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Đoàn Minh Lộc**, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 398/2023/TLPT-HS ngày 24 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn Đức N về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

Do có kháng cáo của bị cáo, kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 55/2023/HS-ST ngày 11 tháng 7 năm 2023 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- *Bị cáo có kháng cáo:*

Nguyễn Đức N, sinh ngày 25/10/1980; nơi cư trú: thôn P *(nay là P Đông)*, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức M, sinh năm 1952 và bà Huỳnh Thị P, sinh năm 1954; có vợ Ngô Thị Cẩm T6, sinh năm 1979 và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/10/2020 đến nay, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đức N:*

+ Luật sư Nguyễn Thành Q – Văn phòng Luật sư TQ, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Nam, có mặt.

+ Luật sư Vũ Minh Thg – Văn Phòng Luật sư V, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Nam, có mặt.

- *Bị hại đồng thời là người làm chứng:*

1. Bà Đỗ Thục U, sinh năm 1989; nơi cư trú: số 28 đường H, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.

2. Ông Tạ Ngọc V1, sinh năm 1991 nơi cư trú: tổ 1, khối Trường Lệ, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Đỗ Thục U và Tạ Ngọc V1: ông Nguyễn Văn H1 - Luật sư của công ty TNHH Luật TG, thuộc Đoàn Luật sư Quảng Nam, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người làm chứng:*

1. Ông Đỗ Bách Nh, sinh năm 1987; nơi cư trú: thôn Đ1, xã C2, thành phố H, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đỗ Bách Nh: ông Nguyễn Văn H1 - Luật sư của Công ty TNHH Luật TG, thuộc Đoàn Luật sư Quảng Nam, có mặt.

2. Bà Huỳnh Thị Q1, sinh năm: 1966; nơi cư trú: thôn Đ1, xã C2, thành phố H, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Thành L, sinh năm 1996; nơi cư trú: thôn Phú Mỹ 1, Phước Lộc, Tuy Hòa, Bình Định, vắng mặt.

4. Ông Đỗ Bách Tr, sinh năm 1999; nơi cư trú: thôn Đ1, xã C2, thành phố H, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt.

5. Ông Lương Quốc Ph, sinh năm 1979; nơi cư trú: khối phố Thuận Trà, phường Hòa Thuận, thành phố T4, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt.

6. Ông Nguyễn Ngọc K, sinh năm: 1979; nơi cư trú: thôn T, xã T3, T4, Quảng Nam, vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt.

7. Bà Nguyễn Lê Bảo N, sinh năm 1991; nơi cư trú: số 570 C, phường S, thành phố H, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

8. Ông Nguyễn Văn D1, sinh năm 1985; nơi cư trú: thôn P2, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

9. Ông Nguyễn Cao T5, sinh năm 1983; nơi cư trú: thôn P2, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

10. Ông Nguyễn Tiến D2, sinh năm 1991; nơi cư trú: số 125/17 L, phường A, thành phố T4, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

11. Bà Lê Thị Kim L1, sinh năm 1998; nơi cư trú: số 200 Đ1, phường Thanh Hà, thành phố H, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

12. Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1962; nơi cư trú: khối phố M, phường A, thành phố T4, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

13. Bà Phạm Thị Thu Tr1, sinh năm 1982; nơi cư trú: số 11 TD, phường A1, thành phố T4, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

14. Bà Hồ Thị Kim L2, sinh năm: 1981; nơi cư trú: số 527 P3, phường P4, T4, Quảng Nam, vắng mặt.

15. Chị Ngô Thị Cẩm T6, sinh 1979; nơi cư trú: thôn P Đông, xã T, huyện N, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 20/7/2020, Đỗ Bách Tr (*là sinh viên năm cuối của trường Đại học Ngoại thương thành phố Hồ Chí Minh*) và Nguyễn Thành L bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Nam giữ người trong trường hợp khẩn cấp và tạm giữ từ ngày 20/7/2020 đến 23/7/2020 vì có dấu hiệu phạm tội "*Rửa tiền*" trong vụ án hình sự "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*", "*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*" theo Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 45/CSHS ngày 03/6/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Nam.

Trong thời gian Tr bị tạm giữ, Tạ Ngọc V1 là anh rể của Tr được bà Lê Thị Kim L1 (*công tác tại VKSND thành phố H)* liên hệ và giới thiệu Nguyễn Đức N nhờ giúp đỡ để Tr được thả ra, tiếp tục đi học và thi tốt nghiệp tại trường đại học. Khi gặp gỡ, N hứa hẹn sẽ giúp đỡ để Tr được thả ra, không bị xử lý hình sự (không có tội) và yêu cầu gia đình Tr giao số tiền 500.000.000 đồng (*năm trăm triệu đồng*). Lần lượt trong 02 ngày 21/7/2020 và 23/7/2020, Tạ Ngọc V1 và Đỗ Bách Nh là anh trai của Tr giao cho N đủ số tiền 500.000.000 đồng (*năm trăm triệu đồng*) tại quán cà phê AH trên địa bàn thành phố T4. Khuya ngày 23/7/2020, Tr và L được trả tự do. Ngày 28/7/2020, N nhắn tin cho V1, đưa ra lý do cần kinh phí để mời những người đã giúp đỡ Tr đi ăn uống và gửi thông tin số tài khoản 060002180114 *(ngân hàng Sacombank)* của Phạm Thị Thu Tr1 (là bạn của N) nên V1 đã chuyển cho N số tiền 3.000.000 đồng (*ba triệu đồng*).

Ngoài ra, sau khi Nguyễn Thành L được trả tự do, Nguyễn Đức N yêu cầu V1 cung cấp số điện thoại của L và N đã liên hệ hẹn gặp L. Trong cuộc gặp với L, V1 và Tr tại quán cà phê Vườn Mận (*đường Hùng Vương, thành phố T4*), N bảo L giao cho N số tiền 800.000.000 đồng (*tám trăm triệu đồng*) để N lo cho L không bị bắt lại. Sau đó N nhiều lần trao đổi điện thoại hối thúc nhưng L không có tiền nên không giao tiền.

Cuối tháng 9/2020, V1 báo cho N biết Tr tiếp tục bị Cơ quan điều tra triệu tập làm việc. Do lo sợ sự việc bị phát giác, ngày 28/9/2020, N đi cùng Nguyễn Văn D1 (*trú tại: thôn P2, T, N*) ra H giao trả số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) đã nhận của gia đình Tr cho chị Đỗ Thục U (chị gái của Tr).

Tiếp đó, vào sáng ngày 01/10/2020, N tiếp tục yêu cầu chị U giao lại số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) để N lo cho Tr. Theo chị U khai là sau khi N yêu cầu thì chị U mượn của bạn là Nguyễn Lê Bảo N *(trú tại: 570 C, phường S, thành phố H) số tiền 600.000.000* đồng (*sáu trăm triệu đồng*) mang vào nhà của N để giao cho N (*U khai do lo sợ Tr bị bắt nên đã tăng số tiền lên*

hơn yêu cầu của N). N nhận túi nilong chứa tiền từ U đem gửi anh Nguyễn Cao T5 cất giữ. Lúc này Tạ Ngọc V1, Đỗ Bách Tr, Đỗ Bách Nh, Nguyễn Thành L bị triệu tập làm việc tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Nam nên Nh và L đã tố cáo N có hành vi "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

Trong cùng ngày, Cơ quan điều tra triệu tập N làm việc theo Đơn tố giác của Đỗ Bách Nh và Nguyễn Thành L. Tại Cơ quan điều tra, N thừa nhận hành vi nhận số tiền 500.000.000 đồng (*năm trăm triệu đồng*) của chị Đỗ Thục U để giúp đỡ cho Tr nên tác động gia đình giao nộp Cơ quan điều tra. Sau đó anh Nguyễn Tiến D2 (*trú tại: 125/17 Lý Thường Kiệt, phường A, T4 - bạn của N*) đến nhận túi nilong đựng tiền từ T5 và giao nộp Cơ quan điều tra. Cơ quan CSĐT đã tiến hành kiểm đếm số tiền bên trong là 600.000.000 (*sáu trăm triệu đồng*). N khai số tiền 500.000.000 đồng nhận của Đỗ Thục U còn 100.000.000 đồng là tiền của N bỏ chung vào tiền của U trước khi mang đi gửi.

Sau đó Nguyễn Đức N không thừa nhận hành vi phạm tội của mình và cho rằng số tiền 500.000.000 đồng nhận của ông Tạ Ngọc V1 vào các ngày 21/7/2020 và 23/7/2020 là do gia đình V1 cảm ơn vì N đã hỏi giúp gia đình về việc Tr bị giữ về tội gì, sau đó ngày 18/7/2020 anh V1 tự chuyển số tiền 3.000.000 đồng cho N để N lo tiếp khách. Đối với số tiền 500.000.000 đồng nhận từ U vào ngày 01/10/2020 là do U cầm vào T4 để lo việc cho Tr sau đó có gửi N giữ hộ số tiền này.

Căn cứ vào lời khai của Tạ Ngọc V1 và Đỗ Thục U thì đây là các khoản tiền mà N yêu cầu V1 và U đưa cho N để N lo cho Tr được thả ra, không bị xử lý hình sự (*không có tội*). Cơ quan CSĐT đã tiến hành cho Nguyễn Đức N và Đỗ Thục U đối chất để làm rõ mâu thuẫn về số tiền 500.000.000 đồng mà N nhận của U vào ngày 01/10/2020, tuy nhiên U vẫn khẳng định N yêu cầu U cầm số tiền này vào để N lo cho Tr chứ U không có đi nhờ người khác giúp đỡ như N khai. Ngoài ra, số tiền 3.000.000 đồng quá trình trích xuất tin nhắn thể hiện N có yêu cầu V1 lo ít kinh phí để N đi tiếp khách. Mặt khác, lời khai ban đầu của bị can Nguyễn Đức N đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai này phù hợp với lời khai của Đỗ Thục U và Tạ Ngọc V1 và lời khai của những người liên quan khác. Như vậy, việc Nguyễn Đức N không thừa nhận hành vi phạm tội của mình và cho rằng số tiền nhận từ V1 là số tiền gia đình Tr cảm ơn và số tiền nhận của U là giữ hộ là hoàn toàn không có căn cứ.

Trên cơ sở lời khai, biên bản nhận dạng của Đỗ Bách Nh, Tạ Ngọc V1, Đỗ Thục U, Đỗ Bách Tr, lời khai của những người liên quan, biên bản đối chất giữa Đỗ Thục U và Nguyễn Đức N, dữ liệu tin nhắn điện thoại, số tiền mà Ngọc và gia đình giao nộp, lời khai ban đầu của Nguyễn Đức N phù hợp với các chứng cứ và tài liệu mà Cơ quan điều tra đã thu thập được. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam xác định Nguyễn Đức N đã dùng thủ đoạn gian dối hứa hẹn giúp Tr không bị xử lý hình sự để gia đình Tr tin tưởng, giao số tiền 503.000.000 đồng (*năm trăm lẻ ba triệu đồng*) cho N và Nguyễn Đức N đã chiếm đoạt số tiền này.

Với nội dung nêu trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 55/2023/HS-ST ngày 11/7/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức N phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*). Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đức N 8 *(tám)* năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ ngày 01/10/2020.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tuyên:

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 điện thoại di động Iphone XSmax, số IMEI: 357296098872040, bên trong có gắn sim số 0943040508 của Nguyễn Đức N.

- Trả cho anh Tạ Ngọc V1 01 (một) điện thoại di động Nokia 105 gắn sim vina số 0912252720, số IMEI1: 356943094691640, số IMEI2: 356943099691645, anh Đỗ Bách Nh 01 (một) điện thoại di động Nokia 105 số IMEI: 357339088444840 và 357339088444857, anh Nguyễn Thành L 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu LG màu trắng, số IMEI: 357952070817110 và 357952070817128, chị Đỗ Thị Thục U 01 (một) điện thoại Iphone 6 màu bạc, 02 (hai) điện thoại hiệu Xiaomi màu xanh.

- Trả lại số tiền 131.000.000 *(một trăm ba mốt triệu đồng)* và 01 điện thoại hiệu OPPO màu đen, 01 thẻ nhớ dung lượng 32gb, 01 CPU máy tính nhãn hiệu Dell mã Inspiron 3470.PC74WV2, 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G.070390 ghi tên hộ Võ Thị Thuyền, 22 giấy mượn tiền pho to, 01 biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí tòa án, 01 giấy mượn tiền, 01giấy rút tiền tại ngân hàng Sacombank, tên người lĩnh tiền Nguyễn Đức N, 01 bản kết luận điều tra vụ án hình sự đề nghị truy tố số 44/KLĐT ngày 20/10/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T4, 01 giấy nộp tiền tại ngân hàng TPBank tên Nguyễn Đức N, 01 giấy nộp tiền tại ngân hàng Sacombank ghi tên Huynh Tan Luc, 01 giấy mượn tiền, 01 bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Trần Thành Nam- Đỗ Trần Kim Anh. Đây là những đồ vật, tài liệu tạm giữ khi khám xét tại nhà N không liên quan đến hành vi phạm tội của N cho chị Ngô Thị Cẩm T6 (vợ N).

- Trả lại số tiền 3.000.000 đồng *(ba triệu đồng)* cho chị Ngô Thị Cẩm T6. Hiện số tiền này trong tài khoản số 39490904639500000 của Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an tỉnh Quảng Nam tại kho bạc nhà nước tỉnh Quảng Nam.

- Trả lại số tiền 500.000.000 đồng *(năm trăm triệu đồng)* trong số tiền 600.000.000 đồng *(sáu trăm triệu đồng)* mà Nguyễn Tiến D2 giao nộp cho Cơ quan điều tra cho bị hại Đỗ Thục U. Hiện số tiền này trong tài khoản số 39490904639500000 của Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an tỉnh Quảng Nam tại kho bạc nhà nước tỉnh Quảng Nam.

- Trả lại số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) trong số tiền 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng) mà Nguyễn Tiến D2 giao nộp cho Cơ quan điều tra cho Nguyễn Đức N. Hiện số tiền này trong tài khoản số 39490904639500000 của Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an tỉnh Quảng Nam tại kho bạc nhà nước tỉnh Quảng Nam.

- Lưu vào hồ sơ vụ án: 01 (một) giấy lĩnh tiền của ngân hàng Vietinbank, tên người lĩnh tiền Nguyễn Lê Bảo N.

4. Kiến nghị Tòa án Cấp cao tại Đà Nẵng xem xét trách nhiệm hình sự đối với ông Lương Quốc Ph về hành vi nhận hối lộ; xem xét trách nhiệm hình sự đối với Tạ Ngọc V1, Đỗ Thục U và bà Huỳnh Thị Q1 về hành vi đưa hối lộ.

Ngoài ra, bản án còn quyết định án phí hình sự sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo theo luật định.

- Ngày 13/7/2023, bị cáo Nguyễn Đức N có Đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung vụ án vì bản án sơ thẩm quy kết bị cáo tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" là không đúng với hành vi của bị cáo;

- Ngày 20/7/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngô Thị Cẩm T6 kháng cáo vì cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo Nguyễn Đức N tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" không đúng vì N (chồng của chị T6) chỉ làm theo chỉ đạo của ông Lương Quốc Ph; đồng thời đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét trả lại số tiền 231.000.000 đồng là tài sản của gia đình mà cơ quan điều tra đã tạm giữ.

Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Đức N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Ngô Thị Cẩm T6 giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức N, kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Ngô Thị Cẩm T6; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đối với hành vi của ông Lương Quốc Ph và một số người khác theo kiến nghị tại Mục 4, Phần Quyết định của bản án sơ thẩm, nếu có dấu hiệu của tội *Đưa hối lộ* và *Nhận hối lộ* thì sau khi xét xử phúc thẩm, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng sẽ có văn bản kiến nghị Cục Điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao tiến hành điều tra vụ việc theo thẩm quyền.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đức N, Luật sư Nguyễn Thành Q trình bày quan điểm: trong vụ án này, gia đình người bị hại đã có sự dàn xếp, chuẩn bị từ trước khi mang tiền đưa cho N vào ngày 01/10/2020. Không có bất kỳ chứng cứ nào chứng minh bị cáo N điện thoại cho chị Đỗ Thục U yêu cầu mang tiền đưa cho bị cáo vào ngày 01/10/2020 để bị cáo lo cho Đỗ Bách Tr. Nguyễn Đức N chỉ có hành vi nhận 500.000.000đ của gia đình Đỗ Bách Tr vào các ngày 21 và 23/7/2020. Đề nghị Hội đồng xét xử xác định bị cáo Nguyễn Đức N không có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản và xem xét trách nhiệm của bị cáo N theo đúng quy định của pháp luật.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đức N, Luật sư Nguyễn Minh Th trình bày quan điểm: vào ngày 01/10/2020, ngoài việc gửi tiền tại nhà bị cáo N, chị U còn gửi nhiều đồ vật khác gồm balo, điện thoại. Trước ngày 01/10/2020, N đã biết đang bị Cơ quan điều tra Công an tỉnh Quảng Nam theo dõi nên không có chuyện bị cáo điện thoại yêu cầu chị U đưa tiền cho bị cáo để lo chạy án cho

Tr; quan điểm của Luật sư Nguyễn Thành Q là hoàn toàn có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của Nguyễn Đức N.

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà Đỗ Thục U, ông Tạ Ngọc V1, ông Đỗ Bách Nh, Luật sư Nguyễn Văn H1 trình bày quan điểm: toàn bộ nội dung kháng cáo của Nguyễn Đức N và phần kiến nghị tại Mục 4, Phần Quyết định của bản án sơ thẩm không có cơ sở chấp nhận. Người bị hại đưa tiền cho Nguyễn Đức N để lo việc cho gia đình được thuận lợi, còn việc N sử dụng tiền như thế nào, đưa cho ai là việc của N; giữa gia đình người bị hại và Nguyễn Đức N không có sự bàn bạc về việc sử dụng tiền như thế nào. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên phần xử lý tang vật của vụ án và không chấp nhận nội dung kiến nghị của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1.]. Ngày 13/7/2023 và ngày 20/7/2023, bị cáo Nguyễn Đức N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngô Thị Cẩm T6 kháng cáo bản án sơ thẩm. Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Ngô Thị Cẩm T6 là trong thời hạn quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngô Thị Cẩm T6 giữ nguyên nội dung kháng cáo. Hội đồng xét xử thấy, theo quy định tại khoản 4 Điều 331 của Bộ luật Tố tụng hình sự thì chị T6 chỉ có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ mình, do đó Chị không có quyền kháng cáo liên quan đến trách nhiệm hình sự của bị cáo N; Hội đồng xét xử chỉ xem xét phần kháng cáo của chị T6 liên quan đến số tiền 231.000.000 mà Toà cấp sơ thẩm trả lại cho chị T6 và Nguyễn Đức N.

[2.]. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời bào chữa của các Luật sư bào chữa cho bị cáo, bảo vệ quyền lợi cho người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1]. Đối với nội dung kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức N:

[2.1.1]. Xét hành vi nhận số tiền 500.000.000 đồng từ Đỗ Bách Nh và Tạ Ngọc V1 vào các ngày 21 và 23/7/2020 của bị cáo Nguyễn Đức N:

Đỗ Bách Tr bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Nam giữ người trong trường hợp khẩn cấp và tạm giữ từ ngày 20/7/2020 đến 23/7/2020 vì có dấu hiệu phạm tội "*Rửa tiền*" trong vụ án hình sự "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*", "*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*"; trong thời gian Tr bị tạm giữ, anh rể của Tr là Tạ Ngọc V1 thông qua sự giới thiệu của bà Lê Thị Kim L1 đã liên hệ Nguyễn Đức N để nhờ giúp đỡ cho Tr được thả ra, tiếp tục đi học và thi tốt nghiệp tại trường đại học. Khi gặp gỡ, N hứa hẹn sẽ giúp đỡ để Tr được thả và không bị xử lý hình sự và yêu cầu gia đình Tr giao số tiền 500.000.000 đồng (*năm trăm triệu đồng*). Lần lượt trong 02 ngày 21/7/2020 và 23/7/2020, Tạ Ngọc V1 và Đỗ Bách Nh

giao cho N đủ số tiền 500.000.000 đồng (*do bà Huỳnh Thị Qúy là mẹ của Tr, Đỗ Thị Thục U là chị gái Tr, V1 và Nh thống nhất bàn bạc, chuẩn bị tiền*) tại quán cà phê AH trên địa bàn thành phố T4. Khuya ngày 23/7/2020, Tr và L được trả tự do. Nguyễn Đức N khai đã chuyển 400.000.000 đồng trong số tiền trên để nhờ Lương Quốc Ph (thời điểm này là Trưởng Phòng Thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm án hình sự về trật tự xã hội (Phòng 2) của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam) để giúp Tr tại ngoại; Lương Quốc Ph không thừa nhận việc giúp Tr mà cho rằng có vay của bị cáo N vào tháng 7/2020 số tiền 600.000.000 (đã trả được 180.000.000) còn nợ 420.000.000 đồng nên nhờ Nguyễn Ngọc K trả cho vợ N là Ngô Thị Cẩm T6 vào ngày 07/6/2021.

Tuy nhiên, lời khai của bị cáo Nguyễn Đức N, Ngô Thị Cẩm T6 (vợ bị cáo N) tại các phiên tòa; nội dung trao đổi giữa bà Ngô Thị Cẩm T6 và ông Lương Quốc Ph được bà T6 ghi âm; lời khai của ông Lương Quốc Ph tại (BL 607) thì không có cơ sở xác định ông Ph mượn tiền của N.

Như vậy, để có căn cứ xác định hành vi của Lương Quốc Ph có dấu hiệu của tội "*Nhận hối lộ*"; hành vi của Đỗ Thục U, Huỳnh Thị Q1, Đỗ Bách Nh, Tạ Ngọc V1 có dấu hiệu của tội "*Đưa hối lộ*" đối với số tiền 500.000.000 đồng vào các ngày 21/7/2020 và 23/7/2020 hay không; Tòa án cấp sơ thẩm đã trả hồ sơ điều tra bổ sung 02 lần, trong đó có nội dung làm rõ số điện thoại 0775481307 gọi đến số 0943040508 của bị cáo Nguyễn Đức N từ ngày 20 đến 31/7/2020, số 0775481307 gọi liên tục với số 0943040508 vào thời điểm từ 19 đến 22 giờ ngày 23/7/2020 (*ngày Tr được thả ra*) có phải là số sim rác của ông Ph hay không và nguyên nhân Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam bAHnh quyết định không phê chuẩn Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Đỗ Bách Tr chậm 2 ngày theo quy định tại khoản 6 Điều 110 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Kết quả điều tra bổ sung số 16/BKL-CSHS ngày 13/3/2023 của Cơ quan cảnh sát điều tra xác định: danh sách cuộc gọi của số 0912962307 của U không phát sinh cuộc gọi nào trước 10h ngày 01/10/2020, sau thời điểm Tr bị Cơ quan điều tra triệu tập làm việc, theo yêu cầu của N thì mua 01 sim số rác (không đăng ký chính chủ) gắn vào điện thoại; sáng ngày 01/10/2020, N dùng số sim rác gọi đến số sim rác của U để yêu cầu U mang tiền vào giao cho N, trước khi đến Công an tỉnh làm việc, U đã bẻ gãy sim vứt bỏ tại đoạn đường trước nhà N. Tại Bản tự khai ngày 01/10/2020 (BL 231) Nguyễn Đức N cũng khai nhận nội dung: *"...khi bị Công an triệu tập tôi đã xoá hết số liên lạc..."*.

Đối với Lương Quốc Ph, quá trình điều tra có nhiều lời khai khác nhau về số lần mượn tiền của N khi thì 05 triệu, khi 10 triệu, việc giao nhận tiền bằng tiền mặt không có giấy biên nhận, không có người chứng kiến nên chưa đủ cơ sở xác định ông Lương Quốc Ph có nhận số tiền 400.000.000 đồng từ Nguyễn Đức N để thực hiện cho Đỗ Bách Tr được thả ra, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau (BL 778).

[2.1.2]. Xét hành vi nhận số tiền 500.000.000 đồng từ Đỗ Thị Thục U ngày 01/10/2020 của bị cáo Nguyễn Đức N:

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 01/10/2020 (BL 225 đến 227), bị cáo N khai nhận *"... gia đình Tr có gọi tôi hỏi tại sao đã lo lót rồi mà triệu tập vào trong khi Tr đã đi học tôi linh tính có chuyện chẳng lành nên lấy số tiền 500.000.000 đồng gia đình Tr đã đưa trước đó, mang ra nhà và trả cho chị U là chị của Tr, tôi nói tôi không lo nữa. Tuy nhiên, vì tư lợi cá nhân tôi nghĩ triệu tập Tr vào làm rồi cũng cho về nên ngày hôm nay tôi gọi lại cho chị của Tr tên U mang số tiền 500.000.000 đồng vào lại cho tôi,* ***tôi đưa ra thông tin gian dối là tôi sẽ lo được cho Tr, trên thực tế tôi lừa dối để chiếm đoạt số tiền trên****. Số tiền này sau đó tôi sợ bị phát hiện, thu giữ nên mang đi gửi nhà người thân của tôi tại đường Đ1, T4, Quảng Nam. Sau khi được giải thích tôi đã mang đến giao nộp cho Cơ quan điều tra".*

Lời khai nhận tội trên của bị cáo N phù hợp với lời khai của bị hại chị Đỗ Thục U trong suốt quá trình điều tra thể hiện: *"...anh N yêu cầu tôi mang số tiền lần trước anh N đã đưa trả cho tôi vào đưa lại cho anh N để xử lý giải quyết việc của Tr và gia đình tôi. Do Tr, Nh, V1 đã vào cơ quan điều tra làm việc nên tôi lo lắng, đã làm theo yêu cầu của anh N. Khi anh N gọi hối thúc nhưng tôi không mang theo tiền nên tôi đã gọi cho bạn tôi là Nguyễn Lê Bảo N (SN 1991, trú 80 Nguyễn Du, thành phố H) vay mượn 600.000.000đ đem vào nhà anh N đưa cho anh N.*" (BL 365); tại Biên bản đối chất, chị U khẳng định: *"...đưa tiền theo yêu cầu của anh N vì anh N nói đem số tiền trả lại hôm trước tôi hiểu là 500.000.000đ nhưng tôi nghĩ 500.000.000đ là không đủ để lo cho Tr vì đã bị anh N trả lại nên tôi mượn bạn tôi đủ 600.000.000đ để bồi dưỡng thêm cho anh N giúp đỡ cho Tr*" (BL 369). Lời khai này của bị hại phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người làm chứng là chị Nguyễn Lê Bảo N: ngày 01/10/2020 chị N có đến ngân hàng Viettinbank chi nhánh H rút số tiền mặt 600.000.000đ và "*tôi rút số tiền 600.000.000đ vào sáng ngày 01/10/200 là để cho Đỗ Thục U mượn*" (BL 452) và phù hợp với tài liệu "*Chứng từ giao dịch Giấy lĩnh tiền*" (BL 377) có tại hồ sơ vụ án.

Lời khai của bị cáo N, bị hại U cũng phù hợp với lời khai của người làm chứng chị Lê Thị Kim L1 (các BL 462 - 465) và phù hợp với lời khai của bà Bùi Thị Hưởng là người giúp việc nhà cho bị cáo N khẳng định *"tôi nghe 02 người nói chuyện nhưng không rõ nội dung, thấy người phụ nữ có đưa cho anh N 01 bịch nilong, khi người phụ nữ giao bịch nilong thì không có ai thấy"* (BL 754 -755).

Trong giai đoạn điều tra bổ sung, tại phiên toà sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Đức N không thừa nhận việc gọi chị U mang tiền đưa cho N để lo cho Tr vào ngày 01/10/2020; bị cáo chỉ phạm tội *Môi giới hối lộ* mà không phạm tội *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*, số tiền 500.000.000 đồng chị U đưa bị cáo ngày 01/10/2020 là do chị U gửi nhờ bị cáo để chuyển cho ông Đỗ Vạn Th1(tên thường gọi là thầy Tứ) có Nguyễn Văn D1 chứng kiến. Tuy nhiên, lời khai của ông Đỗ Vạn Th1 (các BL 746 - 748) thể hiện ông không quen biết hay hứa hẹn giúp đỡ, nhận tiền gì từ chị U, thực tế ông Thông chỉ là thầy phong thủy, không phải là người có quyền quyết định Đỗ Bách Tr có hay không có tội để chị U tin tưởng; lời khai của Nguyễn Văn D1 trong giai đoạn điều tra bổ sung

mâu thuẫn với lời khai ban đầu của chính Nguyễn Văn D1, mâu thuẫn với lời khai của người bị hại và lời khai ban đầu của bị cáo N cũng như lời khai của bà Bùi Thị Hưởng. Tại Bản tự khai ngày 14/10/2020 (BL 458) và Biên bản ghi lời khai ngày 14/10/2020 (BL 454, 455, 456), D1 khai*: "...buổi sáng ngày 01/10/2020 tôi uống cà phê cùng anh N tại nhà anh N chỉ có hai chúng tôi từ khoảng 7h-8h, sau đó tôi ra về . Đến khoảng gần trưa anh N điện thoại gọi tôi vào nhà anh N nhờ công việc. Tôi chạy xe máy đến trước nhà anh N thì có một người phụ nữ từ trong nhà đi ra nói tôi chở đến Công an tỉnh.....tôi thấy người phụ nữ đi một mình, không mang theo balo hay vật dụng gì. Người phụ nữ có gởi, để lại gì nhà anh N tôi không biết..."*. Tuy nhiên, khi Cơ quan điều tra tiến hành điều tra bổ sung, Nguyễn Văn D1 khai nhận việc thấy và nghe chị U nói gửi lại nhờ Nguyễn Đức N giữ hộ 01 bịch tiền trước khi D1 chở chị U đến nhà ông Tứ. Lời khai này của Nguyễn Văn D1 là không có cơ sở.

Do đó, căn cứ vào lời khai của bị cáo, lời khai của người bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, lời khai của những người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ được Cơ quan điều tra thu thập cũng như diễn biến sự việc đưa, nhận tiền giữa Đỗ Thục U và Nguyễn Đức N vào ngày 01/10/2020, có đủ căn cứ kết luận: Nguyễn Đức N mặc dù không làm việc trong cơ quan tư pháp, không có chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền trong việc giải quyết vụ án hình sự có liên quan đến Đỗ Bách Tr và Nguyễn Thành L do Cơ quan Điều tra Công an tỉnh Quảng Nam đang điều tra nhưng N đưa ra thông tin gian dối, hứa hẹn sẽ giúp Đỗ Bách Tr không bị xử lý hình sự để gia đình Tr tin tưởng; theo yêu cầu của N, ngày 01/10/2020, chị Đỗ Thục U đã giao cho N số tiền 500.000.000 đồng, N gửi anh Nguyễn Cao T5 (em trai N) cất giữ, chị U được cơ quan điều tra triệu tập làm việc cùng ngày 01/10/2020 nên đã khai báo sự việc, sau đó Nguyễn Tiến D2 (bạn N) đến nhận túi nilong đựng tiền từ anh T5 rồi mang giao nộp Cơ quan điều tra, tiến hành kiểm đếm bên trong có 600.000.000đ, N khai nhận của chị U 500.000.000đ, còn 100.000.000đ là tiền riêng của N bỏ chung vào. Hành vi của Nguyễn Đức N đủ yếu tố cấu thành tội:*"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* với tình tiết định khung *"chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên"* quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm kết tội Nguyễn Đức N về tội danh theo điều luật trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan. Các thông tin Nguyễn Đức N đưa ra trước đó về việc tìm người lo lót cho Đỗ Bách Tr được tại ngoại đã tạo niềm tin cho gia đình Đỗ Bách Tr, để qua đó chị Đỗ Thục U (chị ruột Tr) đưa cho N 500.000.000đ vào ngày 01/10/2020 theo yêu cầu của N. Ở lần nhận tiền này, N thực hiện một mình, sau khi nhận N gửi anh T5 cất giữ hộ mà không đưa cho ai để nhằm tác động giúp cho Tr không bị điều tra hành vi vi phạm pháp luật. Do đó, nội dung kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức N cho rằng không phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" là không có căn cứ chấp nhận.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Đức N là đặc biệt nghiêm trọng, hành vi của bị cáo không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, quá trình điều tra bị cáo còn khai nhiều nội dung ảnh hưởng đến uy tín của các cơ quan tư pháp tại địa phương nên cần phải xử phạt bị cáo một

mức án đủ nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo, giáo dục đối với bị cáo cũng như đấu tranh phòng ngừa chung. Tuy nhiên, bị cáo có nhân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về số tiền đã nhận và giao nộp cho cơ quan điều tra, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo đã tự nguyện giao nộp số tiền đã chiếm đoạt của chị U để khắc phục hậu quả, trong quá trình điều tra, người bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Sau khi đánh giá mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt Nguyễn Đức N 08 năm tù, mức hình phạt này là tương xứng, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[2.2]. Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Ngô Thị Cẩm T6:

Tòa án cấp sơ thẩm xác định số tiền 131.000.000đ (một trăm ba mốt triệu đồng) cơ quan điều tra thu giữ tại nhà Nguyễn Đức N và 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) trong số tiền 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng) mà Nguyễn Tiến D2 giao nộp cho Cơ quan điều tra là số tiền không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo N; trong đó, số tiền 131.000.000đ là những đồ vật, tài liệu tạm giữ khi khám xét tại nhà của bị cáo N, số tiền 100.000.000đ là tiền của N bỏ trong số tiền 600.000.000đ Nguyễn Tiến D2 giao nộp cơ quan điều tra. Đây là vụ án phức tạp, bị cáo và những người liên quan thay đổi lời khai, Toà án, Viện kiểm sát cấp sơ thẩm 02 lần trả hồ sơ để điều tra bổ sung để xác định tội phạm, số tiền bị chiếm đoạt, số tiền dùng để đưa, nhận hối lộ nên Cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát chưa xử lý tang vật ở giai đoạn điều tra, truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật. Việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên trả lại chị Ngô Thị Cẩm T6 số tiền 131.000.000đ; trả lại Nguyễn Đức N số tiền 100.000.000đ là đúng thẩm quyền, phù hợp với trình tự, thủ tục quy định tại Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự về xử lý vật chứng vụ án.

Nội dung kháng cáo của chị Ngô Thị Cẩm T6 liên quan đến tội danh của bị cáo Nguyễn Đức N, Hội đồng xét xử đã nhận định tại Mục [1] của bản án, do đó không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo của chị Ngô Thị Cẩm T6 đối với bản án sơ thẩm.

[3]. Xét Kiến nghị của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam tại Mục 4, Phần Quyết định của bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại Quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung số 11/2022/HSST-QĐ ngày 11/3/2022 của Toà nhân dân tỉnh Quảng Nam và Quyết định số 20/QĐ-VKSQN-P2 ngày 31/3/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam, yêu cầu Cơ quan điều tra Công an tỉnh Quảng Nam điều tra bổ sung một số vấn đề, trong đó có nội dung điều tra làm rõ số tiền 420.000.000đ mà ông Lương Quốc Ph nhờ Nguyễn Ngọc K trả Ngô Thị Cẩm T6 vào ngày 07/6/2021 là tiền gì, có lãi hay không bằng các biện pháp: lấy lời khai của ông Ph, đối chất giữa Nguyễn Đức N và ông Ph về việc ông Ph vay tiền N; điều tra làm rõ số điện thoại 0775481307 có phải là số sim rác của ông Lương Quốc Ph hay không; định vị

cuộc gọi đi và đến của số máy 0775481307 tại thời điểm từ 19 đến 22 giờ ngày 23/7/2020 và xác định nội dung các cuộc gọi này.

Tại Bản kết luận điều tra bổ sung vụ án hình sự số 19/BKL-CSHS ngày 29/4/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Nam xác định tài liệu chứng cứ thu thập được không đủ cơ sở xác định ông Lương Quốc Ph có nhận số tiền 400.000.000đ từ Nguyễn Đức N; tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án không đủ cơ sở xác định sim số 0775481307 do ông Lương Quốc Ph sử dụng và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Nam giữ nguyên quan điểm đề nghị truy tố như trong Bản Kết luận điều tra vụ án hình sự số 156/KLĐT-PC02 ngày 24/9/2021.

Tại Quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung số 36A/2022/HSST-QĐ ngày 08/12/2022 của Toà nhân dân tỉnh Quảng Nam và Quyết định số 09/QĐ-VKSQN-P2 ngày 13/2/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam, yêu cầu Cơ quan điều tra Công an tỉnh Quảng Nam điều tra bổ sung một số vấn đề, trong đó có nội dung xác định số điện thoại 0775481307 có phải là số sim rác của ông Lương Quốc Ph hay không; xác định các chủ thuê bao liên lạc với số điện thoại 0775481307 trong thời gian từ 12 giờ ngày 20/12/2020 đến 0 giờ ngày 24/12/2020 và lấy lời khai của các chủ thuê bao trên để xác định mối liên hệ với ông Lương Quốc Ph; điều tra làm rõ hành vi đưa hối lộ của Đỗ Thục U, Huỳnh Thị Q1, Tạ Ngọc V1 và Đỗ Bách Nh để trên cơ sở đó xác định số tiền 420.000.000đ mà ông Ph nhờ Nguyễn Ngọc K trả cho Ngô Thị Cẩm T6 vào ngày 07/6/2021 là tiền gì, có liên quan như thế nào đến số tiền 500.000.000đ N nhận của V1, Nh vào các ngày 21 và 23/7/2020 để từ đó xem xét hành vi của ông Ph, U, Q1, V1 và Nh.

Tại Bản kết luận điều tra bổ sung vụ án hình sự số 16/BKL-CSHS ngày 13/3/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Nam không xác định được ai là chủ sử dụng số điện thoại 0775481307; các yêu cầu cung cấp thông tin chưa được các cơ quan liên quan cung cấp; ông Lương Quốc Ph có sự bất nhất về lời khai mượn tiền N, chưa có đủ cơ sở xác định ông Lương Quốc Ph có nhận số tiền 400.000.000đ từ Nguyễn Đức N để thực hiện cho Đỗ Bách Tr được thả ra, **Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau** (BL 778); đối với Đỗ Thục U, Huỳnh Thị Q1, Tạ Ngọc V1 và Đỗ Bách Nh có hành vi giao cho Nguyễn Đức N số tiền 500.000.000đ để Đỗ Bách Tr được thả ra trong vụ án hình sự là có dấu hiệu của tội *"Đưa hối lộ"* nhưng đã chủ động khai báo nên cơ quan điều tra không đề nghị xử lý trách nhiệm hình sự và đề nghị trả lại cho gia đình Tr số tiền 500.000.000đ.

Như đã nhận định ở mục [2.1.1] của bản án, để làm rõ dấu hiệu của hành vi *"Nhận hối lộ"* đối với Lương Quốc Ph, hành vi *"Đưa hối lộ"* đối với Đỗ Thục U, Huỳnh Thị Q1, Đỗ Bách Nh và Tạ Ngọc V1, Tòa án cấp sơ thẩm đã trả hồ sơ điều tra bổ sung 02 lần; mặc dù cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Nam đã tiến hành điều tra bổ sung theo yêu cầu của Tòa án và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam nhưng một số vấn đề chưa được làm rõ và hiện Cơ quan điều tra vẫn tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau (BL 777 -778). Việc Đỗ Thục U, Huỳnh Thị Q1, Đỗ Bách Nh, Tạ Ngọc V1 có hành vi đưa cho Nguyễn Đức N số tiền 500 triệu rồi

sau đó N đưa lại cho Lương Quốc Ph để lo việc Đỗ Bách Tr theo yêu cầu của gia đình Tr là hoàn toàn độc lập với hành vi Nguyễn Đức N nhận tiền của Đỗ Thục U vào ngày 01/10/2020; bởi lẽ, trong trường hợp có hành vi đưa và nhận hối lộ giữa các đối tượng trên thì tội phạm đã hoàn thành khi các bên giao nhận tiền với nhau.

Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không cần thiết phải hủy án để điều tra lại; đồng thời kiến nghị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Nam tiếp tục điều tra, xử lý đối với Lương Quốc Ph, Đỗ Thục U, Huỳnh Thị Q1, Tạ Ngọc V1 và Đỗ Bách Nh như trong nhận định tại Kết luận điều tra bổ sung vụ án hình sự số 16/BKL-CSHS ngày 13/3/2023.

[4]. Từ các nhận định trên, Hội đồng xét không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức N; không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Ngô Thị Cẩm T6; giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 55/2023/HS-ST ngày 11/7/2023 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

[5]. Về án phí hình sự phúc thẩm: kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Ngô Thị Cẩm T6 không được chấp nhận nên bị cáo N và chị T6 phải chịu theo quy định.

[6]. Các phần quyết định còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

1.1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức N; không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Ngô Thị Cẩm T6. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 55/2023/HS-ST ngày 11/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

1.2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: bị cáo **Nguyễn Đức N 08 (tám) năm tù** về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ ngày 01/10/2020.

2. Về xử lý vật chứng: áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

- Trả lại số tiền 131.000.000 *(một trăm ba mốt triệu)* đồng là đồ vật, tài liệu tạm giữ khi khám xét tại nhà Nguyễn Đức N không liên quan đến hành vi phạm tội của Nguyễn Đức N cho chị Ngô Thị Cẩm T6 (vợ N);

- Trả lại số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng trong số tiền 600.000.000 (sáu trăm triệu) đồng mà Nguyễn Tiến D2 giao nộp cho Cơ quan điều tra cho Nguyễn Đức N. Hiện số tiền này trong tài khoản số 39490904639500000 của Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an tỉnh Quảng Nam tại Kho bạc nhà nước tỉnh Quảng Nam.

3. Về án phí: căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 2 Điều 23, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bị cáo Nguyễn Đức N phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

- Chị Ngô Thị Cẩm T6 phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự phúc thẩm.

4. Các phần quyết định còn lại của Bản án hình sự sơ thẩm số 55/2023/HS-ST ngày 11/7/2023 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao - Vụ GĐKT I;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam;
- Cơ quan CSĐT, Phòng HSNV-CA tỉnh Quảng Nam;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Quảng Nam;
- Trại tạm giam công an tỉnh Quảng Nam;
- Bị cáo (qua Trại tạm giam);
- Lưu: HSVA; LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Đức Kiên